

Số: 123/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 1986

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi về quản lý thu lệ phí khai thác đất công

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1983 ;
- Căn cứ vào Nghị định của Hội đồng Chính phủ số 24/CP ngày 02 tháng 2 năm 1976 ban hành bản quy định và nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền Nhà nước cấp tỉnh, thành trong lĩnh vực quản lý kinh tế ;
- Xét đề nghị của đồng chí Giám đốc Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Sửa đổi về quản lý thu lệ phí khai thác đất công, chợ, đường phố, bến, cảng theo quyết định số 294/QĐ-UB ngày 05-4-1977, quyết định số 1242/QĐ-UB, 1243/QĐ-UB ngày 03/12/1981 và quyết định số 141/QĐ-UB ngày 21-4-1981.

Điều 2: Lệ phí khai thác đất công, chợ, đường phố, bến cảng trong thành phố nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu chi phí, xây dựng, tu bổ, sửa chữa chợ, đường phố, bến cảng và phí tổn phục vụ trong quá trình sử dụng.

Điều 3: Mức thu căn bản cho mỗi chỗ trong khu vực chợ và những bãi đất được bố trí làm nơi buôn bán coi như chợ.

LOẠI CHỢ	Đối tượng nộp lệ phí	MỨC THU		
		Thực phẩm tươi sống, quà bánh chế biến bằng LT	Các loại hàng khác	Hàng ăn giải khát
Chợ do cấp quận huyện, thị trấn và phường quản lý	Hợp doanh và tư nhân QD, HTX	1đ/m2/ngày hoặc 25đ/m2/tháng 12đ5/m2/tháng	1đ2/m2/ngày hoặc 30đ/m2/tháng 15đ/m2/tháng	1đ4/m2/ngày hoặc 35đ/m2/tháng 17đ5/m2/tháng
Chợ do cấp xã quản lý	Hợp doanh và tư nhân QD, HTX	0đ6/m2/ngày hoặc 15đ/m2/tháng 7đ5/m2/tháng	0đ8/m2/ngày hoặc 20đ/m2/tháng 10đ/m2/tháng	1đ/m2/ngày hoặc 25đ/m2/tháng 12đ5/m2/tháng

Điều 4: Ở ngoài khu vực chợ (nơi vđược phép bày bán hành, hành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ v.v...) trên đường phố, công viên, bến xe, bến ghe, bến tàu, bến đò, bến cảng, mức thu như sau :

- Hợp doanh và tư nhân : 1đ2/m2/ngày hoặc 30đ/m2/tháng.
 - Quốc doanh, hợp tác xã : 0đ6/m2/ngày hoặc 15đ/m2/tháng.
- Đối với những quán hàng được phép xây cất trên đất công, trên đường phố xung quanh khu vực chợ, bến xe, bến ghe, bến tàu, bến đò, bến cảng, ga xe lửa để bày hàng buôn bán, hành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ hoặc dùng vào sinh lợi khác, mức thu :

- Hợp doanh và tư nhân : 1đ/m2/ngày hoặc 25đ/m2/tháng.
- Quốc doanh, hợp tác xã : 0đ5/m2/ngày hoặc 12đ5/m2/tháng.

Điều 5: Hàng hóa chở bằng các loại phương tiện vận tải như xe, ghe, tàu, khi bốc lên, bốc xuống tại các bến, cảng, chợ, đường phố đều phải nộp lệ phí bốc lên, bốc xuống hàng hóa (kể cả hàng đổi lưu) cho Ban quản lý bến, Ban quản lý cảng, Ban quản lý chợ (lệ phí này do chủ hàng hóa nộp).

- Hợp doanh và tư nhân nộp 1% (một phần trăm), quốc doanh, hợp tác xã nộp 5% (năm phần trăm) trên giá trị hàng hóa ghi trong hóa đơn hoặc hợp đồng.

Điều 6: Các hình thức choán đất công để chứa hàng hóa, vật liệu (trừ vật liệu làm cầu đường của ngành giao thông vận tải để ở khu vực công trình), làm ụ ghe, ụ tàu nếu được chính quyền phường, xã cho phép từ 1 ngày trở lên thu 1đ/m²/ngày.

- Bảng quảng cáo hàng hóa, vật thể có tính cách quảng cáo khác đặt trên lề đường, gắn trên tường nhô ra phía lề đường hoặc gắn trên bao lon, mái hiên vượt qua lộ giới và ở trên các bãi đất công khác : thu 1đ/m²/ngày (nếu bảng dưới 1m² thì thu 1m²).

Điều 7 : Các hoa lợi công sản sau đây phải nộp lệ phí :

a) Hoa lợi cây trái trên các bãi đất công, ven sông, ven đường, cây trái trong các vườn vắng chủ.

- Hoa lợi thu được trên các ao, đầm, đìa công : cá, sen, rau muống.

- Hoa lợi thu được trên các sông rạch do tư nhân, hợp tác xã, công tư hợp doanh khai thác : cát, đánh bắt cá (nền đáy, chài lưới trên sông), dừa lá, rau muống.

- Tiền cho thuê đất công không thuộc diện chia cho nông dân, các loại đất công khi Nhà nước cần sử dụng vào công ích chung thì người sử dụng cũng như chính quyền phường, xã phải giao lại đất theo chỉ thị của chính quyền cấp trên.

b) Thống nhất thu từ 5% đến 10% trên thu nhập thực tế theo tập quán làm ăn thông thường ở địa phương.

c) Đối với nơi đất đã chịu thuế nông nghiệp thì không áp dụng hình thức thu này.

Điều 8 : Nhân dân khi yêu cầu Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã chứng nhận, sao lục hoặc cấp phát các giấy tờ phải nộp khoản lệ phí (gọi là lệ phí hành chánh) như sau :

a) Các loại giấy tờ có ghi nhận giá tiền như : về chuyển nhượng tài sản, các hợp đồng kinh tế, dịch vụ, gia công, trao đổi mua bán giữa các cơ sở tập thể, cá thể với các đơn vị kinh tế Nhà nước phải thông qua sự xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã sở tại đều phải nộp lệ phí như sau :

- Chuyển nhượng tài sản hoặc hợp đồng có ghi nhận giá tiền dưới 100.000 đồng nộp 100đ/1 văn tự hoặc hợp đồng kinh tế.

b) Các giấy tờ như chứng nhận chữ ký, sao y bản chính, lý lịch và trích lục hộ tịch 0đ5/1 bản.

Điều 9 : Đối với những phương tiện vận tải dùng vào hoạt động kinh doanh đậu ở các bến, cảng, bãi đất công, trên đường phố được phép hoạt động: Người sử dụng phương tiện vận tải phải nộp lệ phí như sau :

a) Xe 4 bánh có động cơ :

- Xe tải trên 4 tấn và xe khách có trên 40 chỗ ngồi: 8đ/ngày/xe hoặc 200đ/tháng/xe.

- Xe tải trên 1,5 tấn đến dưới 4 tấn và xe khách từ 15 chỗ ngồi đến dưới 40 chỗ ngồi: 4đ/ngày/xe hoặc 100đ/tháng/xe.

- Xe tải dưới 1,5 tấn và xe khách, xe con dưới 15 chỗ ngồi: 2đ/ngày/xe hoặc 62đ/tháng/xe.

b) Xe 3 bánh có động cơ :

- Xe lam : 2đ/ngày/xe hoặc 50đ/tháng/xe.

- Xe xích lô máy, xe 3 bánh gắn máy và xe gắn máy có thùng ở phía sau dùng để chở hàng hóa hoặc chở khách thuê : 1đ5/ngày/xe hoặc 37đ/tháng/xe.

c) Xe 3 bánh không có động cơ, xe súc vật kéo : 1đ/ngày/xe hoặc 25đ/tháng/xe.

Điều 10 : Các loại tàu ghe có hàng hoặc không có hàng cập bến ngoài khu vực thương cảng Khánh Hội, quân cảng nộp lệ phí bến như sau :

TRỌNG TẢI	Loại phương tiện	
	Xà lan, thuyền không có động cơ	Tàu thuyền có động cơ
Dưới 1 tấn	1đ/ngày	3đ/ngày
Từ 1 tấn đến 5 tấn	2đ/ngày	6đ/ngày
Từ 5 tấn đến 10 tấn	3đ/ngày	9đ/ngày
10 – 20	4đ/ngày	12đ/ngày
20 – 30	5đ/ngày	15đ/ngày
30 – 50	7đ/ngày	21đ/ngày
50 – 70	9đ/ngày	27đ/ngày
70 – 100	12đ/ngày	36đ/ngày
100 – 150	14đ/ngày	42đ/ngày
150 – 200	16đ/ngày	48đ/ngày
200 – 250	18đ/ngày	54đ/ngày
250 – 300	20đ/ngày	60đ/ngày
300 –	24đ/ngày	72đ/ngày

- Tàu, ghe, xà lan sửa chữa đậu tại bến nộp 50% lệ phí.
- Tàu ghe cập bến thuộc công trình kiến trúc của xí nghiệp cảng, hạch toán kinh tế áp dụng theo quy chế xí nghiệp cảng.

Điều 11 : Ngoài các bến đò do Nhà nước tổ chức khai thác, tư nhân, hợp tác xã, công tư hợp doanh khai thác bến đò để chở khách, chở hàng hóa... đều phải nộp lệ phí khai thác bến đò do Ủy ban nhân dân quận, huyện hoặc Ủy ban nhân dân phường, xã quản lý : nộp lệ phí từ 10% đến 30% trên doanh thu thực tế.

Điều 12 : Các loại xe, ghe, tàu đăng ký nộp khoán hàng tháng thì được ghé bất cứ bến nào trong thành phố trên tuyến đường được phép hoạt động.

Xe, ghe, tàu nộp lệ phí theo tuyến, theo ngày chỉ có giá trị ở bến bãi, cảng nộp lệ phí.

Sau ngày hoạt động hoặc trong những ngày nằm chờ mới, nghỉ sửa chữa, các loại xe, ghe, tàu được phép đậu ở khu vực trong đường phố, bến xe, bến ghe, bến tàu nộp 50% lệ phí bến bãi, nếu đậu ở các nơi khác tùy theo mức độ ảnh hưởng đến lưu thông và hoạt động công cộng của nhân dân phải nộp lệ phí bến bãi 25% hoặc miễn.

Điều 13 : Miễn thu lệ phí trong các trường hợp như sau :

Miễn thu những ngày 30 (hoặc 29), mùng 1, mùng 2, mùng 3 Tết Âm lịch (cho điều 3, 4, 5). Các giấy tờ xin trợ cấp hưu bổng, học sinh phổ thông nộp đề dự thi (ở điều 8). Những phương tiện vận tải đăng ký nộp lệ phí khoán hàng tháng nếu trong những ngày ngừng hoạt động do phương tiện vận tải vào trùng, đại tu và sửa chữa vì bị tai nạn hoặc chủ phương tiện vừa là người lái bị ốm đau hoặc vì lý do đặc biệt khác không có người lái thế (ở điều 9). Tàu lên đà (ở điều 10).

Điều 14 : Áp dụng hình thức phạt vi cảnh (theo quyết định số 213/QĐ-LB ngày 27-01-1984 của Liên Bộ Giao thông vận tải và Bộ Nội vụ) đối với những người vi phạm trong các trường hợp sau đây :

- Bày bán hàng, hành nghề tiểu thủ công nghiệp, choán đất công để chứa hàng hóa, vật liệu – xe, ghe, tàu để đậu không đúng nơi sắp xếp và trái với nội quy của Ban quản lý bến, Ban quản lý cảng, Ban quản lý chợ, hoặc trái với quy định của Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã.

- Lấn lộ giới mở rộng chỗ ở dưới hình thức xây nhà hoặc bao chiếm làm sân nhà không hợp pháp thì phạt và buộc phải trả lại diện tích lấn chiếm.

Đối với các cư xá do Nhà nước quản lý có đông người ở, tùy tiện lấn chiếm đất để mở rộng khu nhà ở, che mái hiên hoặc dựng lên chòi trại, nhà phụ khác ngoài diện tích thiết kế ban đầu cũng phải xử lý như trường hợp trên.

Điều 15 : Thu tiền lệ phí khai thác đất công, chợ, đường phố, bến, cảng đều phải sử dụng biên lai, ấn chỉ do Phòng Tài chính quận, huyện phát hành.

Điều 16 : Tất cả số tiền thu lệ phí khai thác đất công, chợ, đường phố, bến, cảng, .v.v... đều phải nộp vào ngân sách.

Điều 17 : Những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 18 : Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 19 : Các đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành ở thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận huyện và các phường xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT. Chủ tịch

Phó chủ tịch

(đã ký)

Lê Khắc Bình